

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP
DẦU KHÍ VIỆT NAM
(PVR)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 12/10/2016)

Báo cáo thường niên này được cung cấp tại:

Văn phòng giao dịch Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

- Lô III, Khu đô thị Trung Văn, Đường Tô Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 84-914919699
- Websites: www.pvr.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Bà Bùi Thu Hà
Chức vụ : Trưởng phòng TCHC&PC/Tau ký HĐQT
Điện thoại : 84-914919699

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP
DẦU KHÍ VIỆT NAM
(PVR)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0300347376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 12/10/2016)

Báo cáo thường niên này được cung cấp tại:

- Văn phòng giao dịch Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Lô HH, Khu đô thị Trung Văn, đường Tô Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: 84-914919699
 - Websites: www.pvr.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Bà Bùi Thu Hà
Chức vụ : Trưởng phòng TCHC&PC/Thư ký HĐQT
Điện thoại : 84-914919699

MỤC LỤC

I	Thông tin chung	1
1.	Thông tin khái quát	1
2.	Quá trình hình thành và phát triển	1
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5.	Định hướng phát triển	3
6.	Các rủi ro	4
II.	Tình hình hoạt động trong năm	5
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2.	Tổ chức và nhân sự	8
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4.	Tình hình tài chính	12
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	13
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	14
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2.	Tình hình tài chính	14
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý	15
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	15
5.	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán	17
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	20
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	20
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	20
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	21
V.	Quản trị công ty	22
1.	Hội đồng quản trị	22
2.	Ban kiểm soát	34
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS	39
VI.	Báo cáo tài chính được kiểm toán	40

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
Năm 2017*

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500547376
- Vốn điều lệ: 531.009.130.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 527.181.611.748 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, tòa nhà CT10-11, Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
- Địa chỉ văn phòng giao dịch: Lô HH, Khu đô thị Trung Văn, đường 16 Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0914919699
- Website: pvr.vn
- Mã cổ phiếu: PVR

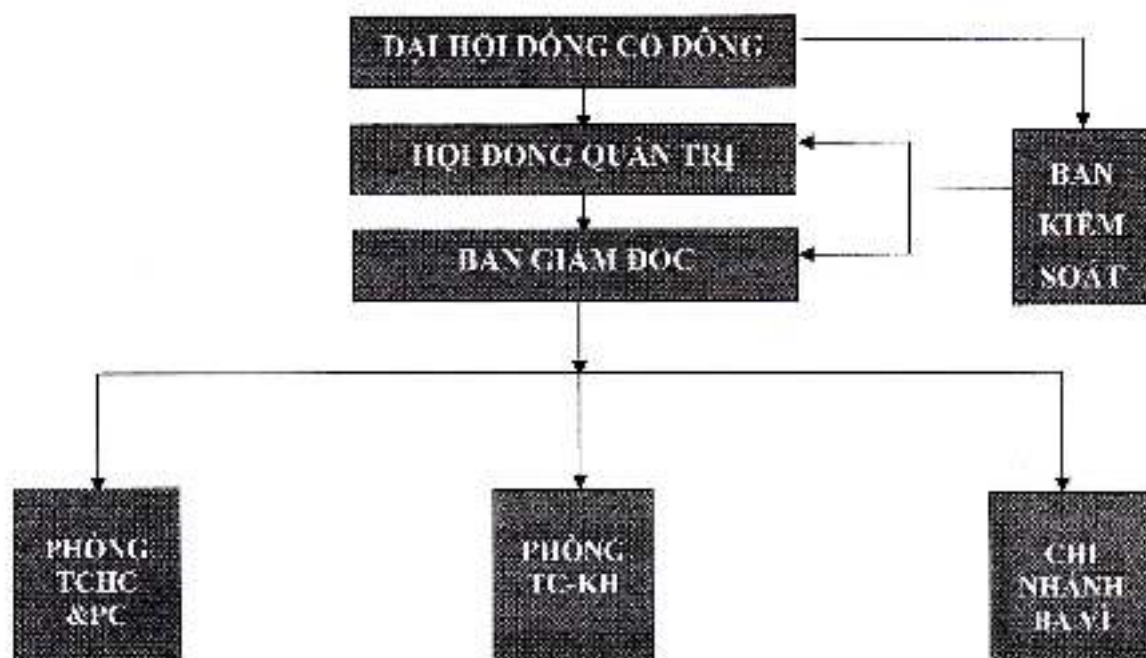
2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Trước những yêu cầu của thực tế khách quan, phù hợp với định hướng phát triển đa ngành đa nghề, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận lĩnh vực kinh doanh bất động sản; kinh doanh các dịch vụ cao cấp như sân Golf, resort, khu vui chơi giải trí; kinh doanh các hoạt động thể thao... Bên cạnh đó, địa bàn Hà Nội chưa có một khu du lịch cao cấp tầm cỡ quốc tế nhằm phục vụ nhu cầu người dân Thủ đô và khách du lịch trong và ngoài nước khi đến thăm quan hay tham gia hội nghị, hội thảo. Do đó, PVR đã được thành lập với tên ban đầu là Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên với mục tiêu chính là phát triển dự án Hồ Suối Hai, Tân Viên, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội mở rộng) thành khu du lịch nghỉ dưỡng tầm cỡ quốc tế nhằm đáp ứng các mục đích trên.
- Ngày 17/11/2006, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579, với vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng với cổ đông sáng lập là các Công ty, đơn vị trong ngành Dầu khí và các tổ chức khác như sau:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
 - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
 - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)
 - Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
 - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí (PTSC)
 - Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu (GP BANK)
 - Công ty Đầu tư & Thương mại Hệ thống Quốc tế (NETTRA)
- Tháng 02/2008, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR), với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tây cấp.
- Ngày 09/12/2009 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Hà Nội cấp số 0103034347.
- Ngày 25/03/2010 Công ty chuyển trụ sở về Quảng Ninh nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ninh cấp số 0500547376. Và được cấp đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2010.
- Ngày 5/3/2012 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp số 0500547376.
3. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:** Công ty tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực được pháp luật cho phép và không trái với quy định của pháp luật.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển PVR thành một Công ty có vị thế và thương hiệu trên thị trường, theo hướng lĩnh vực hoạt động trọng tâm là Đầu tư, Thi công các dự án Bất động sản và dịch vụ du lịch thể thao nghỉ dưỡng cao cấp, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Phát triển PVR thành đối tác tin cậy thông qua hình thức liên doanh, liên kết và hợp tác với các đơn vị có năng lực, uy tín trong & ngoài nước nhằm mở rộng thị trường, quy mô, giá trị thương hiệu và không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, trình độ quản lý.

5.2 Chiến lược phát triển trung hạn (giai đoạn 2015 đến 2020):

- Đối với lĩnh vực Đầu tư phát triển các dự án Bất động sản:

Đây là lĩnh vực chính của Công ty giai đoạn 2015 - 2020, PVR triển khai thực hiện theo hướng Đầu tư và hợp tác đầu tư tập trung chính vào nhóm các sản phẩm từ các Dự án của Công ty đang triển khai như sau:

- Nhà chung cư để bán hoặc cho thuê:

- Nhà ở thấp tầng;
 - Văn phòng & Trung tâm thương mại, Dịch vụ tầng hầm cho thuê;
 - Tổ hợp khu nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí;
- Đối với các lĩnh vực hoạt động khác:
- Hoạt động đầu tư tài chính:
PVR chủ trương không đầu tư dàn trải, đối với các khoản đầu tư tài chính đang tồn tại, Công ty đang nghiên cứu, xem xét lập phương án và lựa chọn thời điểm thoái vốn hợp lý để bảo toàn tối đa và tập trung được nguồn vốn cho hoạt động Đầu tư các dự án Bất động sản mà Công ty đang triển khai.
 - Hoạt động kinh doanh khác:
- Tối đa hóa nguồn lực hiện có về con người, lĩnh vực đầu tư, thi công các dự án Bất động sản đang triển khai để nghiên cứu, xem xét tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh nguyên, vật liệu xây dựng trên cơ sở hợp tác kinh doanh với các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng có uy tín và năng lực trên thị trường.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Đối với môi trường: Đối với môi trường bên ngoài Công ty cạnh tranh lành mạnh bằng năng lực, trình độ, sự chuyên nghiệp, các sản phẩm chất lượng với giá hợp lý. Đối với môi trường bên trong, PVR khuyến khích sự phát triển và thành công của mỗi cá nhân, là nơi hội tụ các thành viên xuất sắc, tạo cơ hội nâng cao trình độ và công ăn việc làm, nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ nhân viên.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Với tinh thần phát triển Doanh nghiệp đồng hành với phát triển xã hội, PVR luôn đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với đất nước và coi đó là truyền thống văn hóa tốt đẹp. Cung cấp các sản phẩm - dịch vụ cao cấp với chất lượng đảm bảo như cam kết, mang tinh độ dào, sáng tạo với giá hợp lý nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng.

6. Các rủi ro:

Trước thực trạng thị trường bất động sản gặp rất nhiều khó khăn về thanh khoản, tín dụng, ... hàng loạt doanh nghiệp phá sản, nhiều dự án có nguy cơ tạm dừng do thiếu vốn, không bán được hàng, chủ đầu tư bỏ dở ... đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của khách hàng, PVR cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó và đã nảy sinh tình trạng khiếu nại của một số khách hàng, khó khăn trong việc thu xếp nguồn tài chính cho các hoạt động SXKD.... Trước thực trạng đó, PVR nhìn nhận một số rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn 2015 đến 2020 như sau:

dổi tên thành Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai) tỷ lệ 1/500 vào Sơ Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội để thẩm định theo đúng tiến độ cam kết.

- Khuẩn đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Bình An liên quan đến Dự án số 9 Trần Thành Tông cũng chưa tìm được đối tác mua lại toàn bộ số cổ phần công ty đang nắm giữ.
- Dự án CT15 Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội: Công ty PVR đã ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của PVR cho Công ty cổ phần Đầu tư NNP với giá trị chuyển nhượng là 51.000.000.000 VND (Năm mươi một tỷ đồng) (Giá trị đã bao gồm thuế VAT 10%, chưa bao gồm các chi phí khác).
- Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội:
 - + Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HDHTKQ/2015/PVCR-MHD. Công ty cổ phần đầu tư MHD Hà Nội đã thực hiện thi công Dự án CT10-11 Văn Phú cụ thể đối với tháp CT10 đã thi công đến tầng 9, đối với tháp CT11 đã thi công đến tầng 6 đạt giá trị sản lượng 42,6 tỷ đồng và hiện nay đang dừng thi công do MHD Hà Nội yêu cầu thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền.
 - + Ngày 29/06/2017, DHDCTD thường niên năm 2017 Công ty PVR đã thông qua việc thanh lý hợp đồng HTKD và thanh toán giá trị khối lượng cho Công ty MHD Hà Nội đã đầu tư vào dự án để tránh việc khiếu kiện.
 - + Hiện tại, Dự án tạm dừng thi công dự án, tập trung giải quyết và hoàn thiện toàn bộ pháp lý còn sai sót, vướng mắc, tồn tại của Dự án đã thi công trước đây không đúng với quy hoạch được duyệt. Sau khi được các cơ quan có thẩm quyền cho phép thi công trở lại theo quy định của pháp luật mới tính toán phương án cụ thể cho Dự án.
 - Mặt khác Công ty hiện đang tích cực tiếp xúc khách hàng, đưa ra nhiều phương án tháo gỡ khó khăn nhằm lấy lại lòng tin của khách hàng để làm cơ sở tiếp tục triển khai Dự án. Tuy nhiên, hầu hết khách hàng đều có nguyện vọng xin rút vốn và thanh lý Hợp đồng và phạt vi phạm Hợp đồng, kiến quyết không nộp tiền do Dự án đã quá chậm tiến độ, do vậy việc tiếp tục triển khai Dự án gặp rất nhiều khó khăn.
- Đối với công tác xử lý công nợ và quyết toán với các nhà thầu cũ tại dự án: Công ty tổ chức rất nhiều cuộc họp mời các nhà thầu để quyết toán các gói thầu. Tuy nhiên hầu hết các nhà thầu và Công ty không tìm được tiếng nói chung trong vấn đề quyết toán do tồn tại quá nhiều vấn đề trong thời gian thi công, thanh toán không được xử lý dứt điểm.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017
1	Doanh thu	37,4	46,46	48,58
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11,5)	1,1	(5,15)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Ông Đỗ Duy Diễn - Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 12/10/2016, tái bổ nhiệm ngày 03/07/2017 do hết nhiệm kỳ

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Diễn Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 95, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 162267949 do Công an Nam Định cấp ngày 09/10/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc Công ty - Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - 2002 - 2003: Cán bộ kỹ thuật - Công ty XD số 4 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;
 - 2004 - 2005: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư Xây lắp Sông Đà;
 - 2006 - 2009: Đội trưởng Đội 2 Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Econ;
 - 2010 - 2012: Đội trưởng Đội XDCT Công ty CP Đầu tư và TM Dầu khí Sông Đà
 - 2012 - 2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
 - Tháng 12/2015 - 2016: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư MHD-Vina

- 10/2016 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.500 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Khúc Thị Thanh Huyền - Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 04/11/2016, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 13/07/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/10/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Xóm 5, xã Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011876717 cấp ngày 15/03/2005 do CA Hà Nội cấp
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:
 - 2001 - 2008: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH TM & DVKT Hải Văn
 - 2009 - 2015: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư 135
 - Tháng 6/2015 - 4/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
 - Tháng 4/2016 - Tháng 10/2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
 - Tháng 11/2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.539.400 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Nguyễn Thị Hà Thu - Miễn nhiệm Kế toán trưởng ngày 24/04/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 22/8/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hiệp Hòa, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : P401 C1 Khu TT 3-1A, Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011699182 cấp ngày 25/9/2008 do CA Hà Nội cấp
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế XD; Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:
 - 2/1998 – 12/2006: Chuyên viên kế toán tại Công ty CP Viễn thông tín hiệu Đường sắt - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
 - 1/2007 – nay: Công tác tại Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí VN (PVCR), hiện giữ chức danh Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm 2017:

Ông Đỗ Duy Điền	Tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03/07/2017
Bà Khúc Thị Thanh Huyền	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/07/2017

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: (tại thời điểm 31/12/2017)

Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ học vấn		
- Trên đại học	1	4,35
- Đại học	12	52,17
- Cao đẳng, trung cấp	3	13,04
- Lao động phổ thông	7	30,44
Tổng số	23	100
Phân theo tính chất hợp đồng lao động		
- Hợp đồng không xác định thời hạn	14	60,87
- Hợp đồng xác định thời hạn	7	30,43
- Hợp đồng thử việc	2	8,7
Tổng số	23	100

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Dự án CT10-11 Vân Phú, Hà Đông, Hà Nội:

+ Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐHTKQ/2015/PVCR-MIID. Công ty cổ phần đầu tư MHD Hà Nội đã thực hiện thi công Dự án CT10-11 Vân Phú cụ thể đối với tháp CT10 đã thi công đến tầng 9, đối với tháp CT11 đã thi công đến tầng 6 đạt giá trị sản lượng 42,6 tỷ đồng và hiện nay đang dừng thi công do MIID Hà Nội yêu cầu thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền.

– Ngày 29/06/2017, DHDCD thường niên năm 2017 Công ty PVR đã thông qua việc thanh lý hợp đồng HIKD và thanh toán giá trị khối lượng cho Công ty MHD Hà Nội đã đầu tư vào dự án để tránh việc khiếu kiện.

+ Hiện tại, Dự án tạm dừng thi công dự án, tập trung giải quyết và hoàn thiện toàn bộ pháp lý còn sai sót, vướng mắc, tồn tại của Dự án đã thi công trước đây không đúng với quy hoạch được duyệt. Sau khi được các cơ quan có thẩm quyền cho phép thi công trở lại theo quy định của pháp luật mới tính toán phương án cụ thể cho Dự án.

+ Mặt khác Công ty hiện đang tích cực tiếp xúc khách hàng, đưa ra nhiều phương án tháo gỡ khó khăn nhằm lấy lại lòng tin của khách hàng để làm cơ sở tiếp tục triển khai Dự án. Tuy nhiên, hầu hết khách hàng đều có nguyện vọng xin rút vốn và thanh lý Hợp đồng và phạt vi phạm Hợp đồng, kiên quyết không nộp tiền do Dự án đã quá chậm tiến độ, do vậy việc tiếp tục triển khai Dự án gặp rất nhiều khó khăn.

3.2 Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ công cộng CT15 Việt Hưng

Công ty PVR đã ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của PVR cho Công ty cổ phần Đầu tư NNP với giá trị chuyển nhượng là 51.000.000.000 VND (Năm mươi một tỷ đồng) (Giá trị đã bao gồm thuế VAT 10%, chưa bao gồm các chi phí khác).

3.3 Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai):

+ Trong năm 2017, Công ty PVR đã ký Hợp kinh tế đồng số 05-2017/HĐKT giữa PVR và Công ty CP khảo sát và đo đạc Hà Nội “V/v đo đạc thành lập bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500, đối soát, biên tập bản đồ hiện trạng 1/2000 phục vụ công tác điều chỉnh quy hoạch”;

+ Hợp đồng tư vấn quy hoạch số 229/2017/HĐTV giữa PVR và Viện nghiên cứu Thiết kế Đô thị (UDI) “V/v lập quy hoạch chi tiết khu du lịch, dịch vụ Hồ Suối Hai, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500”;

+ Ngày 25/12/2017, Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam đã nộp Hồ sơ Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tân Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai) tỷ lệ 1/500 vào Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội để thẩm định theo đúng tiến độ cam kết.

4. Tái cơ cấu danh mục đầu tư và xử lý công nợ:

Theo phương án tái cơ cấu danh mục đầu tư và xử lý công nợ năm 2017 đã được DHDCD thông qua, PVR đã cơ bản đàm phán và thực hiện được một phần công nợ và sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác để xử lý các khoản công nợ phải thu, phải trả đối với từng khoản

mục theo phương án đã được thông qua, một số nội dung tái cơ cấu danh mục đầu tư cụ thể:

Đối với khoản đầu tư tài chính Dự án số 9 Trần Thánh Tông, Nghị ĐHCĐ Công ty năm trước đây đã giao HĐQT bán toàn bộ cổ phần PVR đang nắm giữ tại Công ty Bình An. Tuy nhiên, Công ty chưa tìm được đối tác nhận chuyển nhượng số cổ phần mà Công ty PVR đang nắm giữ tại Bình An. Mặt khác, theo ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về khoản đầu tư của PVR tại Công ty Bình An do không xác định được tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Bình An. Mặc dù PVR đã tích cực gửi văn bản yêu cầu Công ty Bình An cung cấp bộ Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 nhưng không nhận được phản hồi, vì vậy PVR chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Bình An để có cơ sở cho việc trích lập dự phòng cho khoản đầu tư tài chính này. Đây là một nội dung làm cơ sở cho việc kiểm toán AASC từ chối đưa ra ý kiến đối với BCTC của Công ty năm 2017.

Đối với khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Công ty Lam Kinh), PVR đã tích cực gửi văn bản yêu cầu Công ty Lam Kinh cung cấp bộ Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 nhưng không nhận được phản hồi dẫn đến việc Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC có ý kiến không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính này. Đây là một nội dung làm cơ sở cho việc kiểm toán AASC từ chối đưa ra ý kiến đối với BCTC của Công ty năm 2017.

5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	996.568.985.468	980.498.798.479	-1,61%
Doanh thu thuần	37.059.483.722	48.050.380.298	29,66%
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	(11.576.339.024)	(5.309.981.927)	-54,13%
Lợi nhuận khác	7.160.000	156.000.000	2078,77%
Lợi nhuận trước thuế	(11.569.179.024)	(5.153.981.927)	-55,45%
Lợi nhuận sau thuế	(11.894.642.922)	(6.711.961.211)	-43,57%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(229)	(129)	-43,67%

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2016	2017	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,46	1,47	

+ Hệ số thanh toán nhanh:		
Tiền tương đương tiền+DTTCNII+PTNII/NNII	0.10	0.09
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ / Tổng tài sản	0.51	0.51
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1.04	0.94
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn/ITTKbq		-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		-
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.02	- 0,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.01	- 0,01
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.31	- 0,11

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 51.906.713 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 53.100.913 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.194.200 cổ phần

6.2 Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của công ty tại ngày 25/05/2017

Stt	Phân loại	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Trong nước	5.161	51.840.148	518.401.480.000	97,63
-	Tổ chức	23	22.873.345	228.735.450.000	43,98
-	Cá nhân	5.138	28.966.603	289.666.030.000	54,55
2	Nước ngoài	4	66.565	665.650.000	0,13
-	Tổ chức	1	26.500	263.000.000	0,05
-	Cá nhân	3	40.065	400.650.000	0,08
3	Cổ phiếu quỹ	1	1.194.200	11.942.000.000	2,25

Tổng cộng	5.166	53.100.913	531.009.130.000	100
-----------	-------	------------	-----------------	-----

6.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

6.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

6.5 Các chứng khoán khác: không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017 Công ty không đạt chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ/ĐDQT phê duyệt; Doanh thu của Công ty năm 2017 đạt 48,58 tỷ đồng tăng 29,76% so với năm 2016, đạt kế hoạch đề ra; Lợi nhuận trước thuế lỗ 5,15 tỷ đồng. Việc lợi nhuận không đạt chỉ tiêu KPI SXKD năm 2017 chủ yếu chủ yếu là phát sinh việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng đầu tư tài chính. Trong năm 2017 công ty cũng phát hành hóa đơn giá trị gia tăng và xác định tạm nộp thuế TNDN của khách hàng nộp tiền đặt cọc Dự án CT 10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội. Công ty chưa có phương án sản xuất kinh doanh mới đem lại hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

Giá trị số sách

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2017	Tăng/giảm
1	Tổng tài sản	996.568.985.468	980.498.798.479	-1,61%
1.1	Tài sản ngắn hạn	744.884.741.454	729.712.440.896	-1,67%
1.2	Tài sản dài hạn	251.684.244.014	250.786.357.583	-1,45%
2	Tổng nguồn vốn	996.568.985.468	980.498.798.479	-1,61%
2.1	Nợ phải trả	508.729.988.785	499.371.763.007	-1,84%
2.2	Vốn chủ sở hữu	487.838.996.683	481.127.035.472	-1,38%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017)

Các chỉ số tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.45	1.46	1.47
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.14	0.10	0,10

2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2.1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	53	51	51
2.2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	111	104	103,8
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
3.1	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0,05	-0,02	-0,01
3.2	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,03	-0,01	-0,006

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015, 2016, 2017)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2017 là năm kinh tế nền kinh tế được dự báo tiếp tục có những diễn biến bất thường, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư Bất động sản, là hoạt động chính của Công ty trong những năm qua. Trước nhận định đó, trên cơ sở các nguồn lực hiện có, Công ty PVCR xác định mục tiêu hoạt động cơ bản như sau:

4.1 Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2018:

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	KH năm 2017	TII năm 2017	KH năm 2018	Ghi chú
1	Doanh thu	46,46	48,58	1,0	
2	Lợi nhuận TT	1,1	(5,15)	(7,85)	
3	Tổng Quỹ lương	2,5	2,5	3,6	

Ghi chú: Chưa tính đến các khoản trích lập dự phòng các khoản đầu tư

4.2 Đối với các lĩnh vực đầu tư dự án Bất động sản:

4.2.1 Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội:

Trong năm 2018, Công ty PVR sẽ bán nốt các căn hộ còn lại tại Dự án hoặc thế chấp, bán toàn bộ Dự án để tập trung nguồn vốn thực hiện Dự án Khu du lịch cao cấp quốc tế Tân Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai) tránh trường hợp Dự án bị thu hồi Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư quá lâu (kế hoạch thực hiện dự án cụ thể, chi tiết sẽ do Hội đồng quản trị trình DIHDCĐ thường niên năm 2018 quyết định)

4.2.2 Dự án Khu du lịch cao cấp quốc tế Tân Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai):

- Căn cứ văn bản số 2847/KH&ĐT-CN ngày 17/06/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội về việc tiến độ triển khai Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên;
- Căn cứ văn bản số 265/GM-UBND ngày 20/07/2016 của UBND huyện Ba Vì về việc mời họp giao ban tuần Công ty PVR báo cáo về tiến độ triển khai Dự án Suối Hai;
- Căn cứ Thông báo số 235/TB-UBND ngày 18/07/2016 của UBND TP Hà Nội về việc kết luận của tập thể lãnh đạo UBND Thành phố tại cuộc họp về tiến độ Dự án Tân Viên;
- Căn cứ văn bản số 4148/KH&ĐT ngày 12/08/2016 về việc triển khai Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên;
- Căn cứ văn bản số 5572/GM-QHKT ngày 23/08/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội về việc tình hình triển khai lập quy hoạch của Công ty PVR tại Khu vực Hồ Suối Hai (Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên);
- Căn cứ văn bản số 5694/GM-QHKT ngày 28/08/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội về việc Giấy mời về tình hình triển khai lập quy hoạch của Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam tại Khu vực Hồ Suối Hai, huyện Ba Vì (Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên);
- Căn cứ văn bản số 5293/KH&ĐT-NNS ngày 25/08/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội về việc Triển khai dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên;
- Căn cứ văn bản số 609/HĐND-KTNS ngày 13/11/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc triển khai kế hoạch giám sát của Thường trực HĐND Thành phố tại huyện Ba Vì;
- Căn cứ văn bản số 8222/QHKT-KHTH ngày 28/11/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội về việc Đơn đốc lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên, huyện Ba Vì, Hà Nội;
- Căn cứ văn bản số 8831/QHKT-KHTH ngày 25/12/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc Đơn đốc lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên, tỷ lệ 1/500 tại huyện Ba Vì, Hà Nội (lần 2);
- Căn cứ văn bản số 149/UBND-ĐT ngày 12/01/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện các kiến nghị của Đoàn Giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chậm triển khai Dự án tại huyện Ba Vì.

Để tránh trùng hợp Dự án Khu du lịch cao cấp quốc tế Tân Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai) bị thu hồi do đã do Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư quá lâu cũng như thực hiện Nghị quyết số 149/NQ-ĐHĐCĐ-PVR ngày 29/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty PVR về phương án thực hiện đối với các dự án bất động sản năm 2017. Trong năm 2017, Công ty PVR đã thuê đơn vị đo đạc, tư vấn thực hiện việc đo đạc thành lập bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500, đối soát, biên tập bản đồ hiện trạng 1/2000 phục vụ công tác điều chỉnh quy hoạch và việc lập quy hoạch chi tiết khu du lịch, dịch vụ Hồ Suối Hai, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500 để nộp Hồ sơ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tân Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai) tỷ lệ 1/500 vào Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội để thẩm định. Năm 2018 Công ty PVR sẽ thực hiện các bước tiếp theo của Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai và đưa Dự án Khu du lịch cao cấp MHD Suối Hai vào khởi công, xây dựng sau khi Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thẩm định hồ sơ Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án và UBND Thành phố Hà Nội quyết định phê duyệt Dự án và cấp phép xây dựng (kế hoạch thực hiện dự án cụ thể, chi tiết sẽ do Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 quyết định).

5. *Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 300118.001/BCTC.KT7 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ngày 30 tháng 01 năm 2018, ý kiến của Công ty kiểm toán trong Báo cáo Tài chính của PVR tại thời điểm 31/12/2017 liên quan đến các vấn đề sau:

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính - "Số dư các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác", tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng góp vốn và thỏa thuận nhận đặt cọc với khách hàng cho Dự án Văn Phú với tổng số tiền đã thu từ các khách hàng là 152.014.131.472 đồng. Điều này đã dẫn đến việc Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán từ chối đối với Báo cáo tài chính. Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện phát hành hòa đơn để hạch toán, kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra và kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2017 số dư về đặt cọc còn lại của Dự án nêu trên là 30.607.086.302 đồng (không bao gồm 1.396.406.026 đồng khoản kinh phí bảo trì căn hộ Dự án). Đây là khoản tiền khách hàng đặt cọc nhưng chưa có giao dịch thỏa thuận bằng văn bản nên Công ty chưa đủ cơ sở để xuất hóa đơn GTGT và kê khai nộp thuế cho khoản tiền này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của một cuộc kiểm toán thông thường nhưng vẫn chưa thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

10/2018/2018/01/01

Tại thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An với giá trị là 205.082.444.751 đồng. Điều này dẫn đến việc Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán từ chối đối với Báo cáo tài chính. Số liệu trên tiếp tục được lũy kế đến thời điểm 31/12/2017, với các bằng chứng thu thập được, chúng tôi không thể đưa ra được tính đúng đắn của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR) và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH):

Chúng tôi không xác định được liệu các cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông của Công ty Bình An đã góp đủ vốn chưa (Theo quy định tại Điều 23 - Nghị định số 102/2010/NĐ - CP ngày 01/10/2010 về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của luật doanh nghiệp thì: trường hợp có cổ đông không thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ khi công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác; Và cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán, không được quyền chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác). Do đó chúng tôi không xác định được tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An đang được theo dõi trên sổ kế toán tại ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2017 là 205.082.444.751 đồng, cũng như xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính này.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa thể đánh giá một cách chính xác hiệu quả đầu tư của Dự án CT10-11 Văn Phú do các thông số tính toán theo thị trường tại thời điểm hiện tại chưa đầy đủ và có thể còn biến động. Theo đó, Công ty chưa xác định và trích lập bất cứ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào đối với chi phí dự đang của Dự án này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá được số liệu cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh năm 2017 và kết quả kinh doanh từ năm 2016 trở về trước. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Các khoản đầu tư tài chính, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Cụ thể, khoản đầu tư tài chính chưa được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2017 là: 253,9 tỷ; nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2017 là 22,7 tỷ đồng; nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2017 là 490,2 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để có thể xác định liệu có phải điều chỉnh

các số liệu này hay không. Đồng thời, chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng về việc liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi hay không.

Các khoản đầu tư vốn vào Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Tam Kinh với giá trị lần lượt là 21.350.000.000 đồng và 5.000.000.000 đồng. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 của các đơn vị này làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính theo quy định mà thực hiện trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn này hay không.

PVR xin giải trình ý kiến từ chối của Công ty kiểm toán như sau :

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2017, PVR đã ký được 215 hợp đồng mua bán với khách hàng mua căn hộ tại Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội. Theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 thay thế Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/06/2010 và Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 thay thế thông tư số 06/2010/TT-BTC ngày 11/01/2012, PVR đã thực hiện phát hành hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra và kê khai tạm nộp 1% thuế thu nhập doanh nghiệp. Số liệu về đặt cọc của Dự án trên tại ngày 31/12/2017 là 22.003.492.328 đồng bao gồm 1.396.406.026 đồng là khoản kinh phí bảo trì (KPBT) cân hộ các hợp đồng đã ký trên, khoản KPBT là khoản tiền công ty thu hộ để bảo trì cho căn hộ khi đưa vào vận hành nên Ban tài chính PVR trước đây đã đưa ra ý kiến phát hành hóa đơn số tiền này vào kỳ cuối cùng khi bàn giao căn hộ, nhưng để thuận tiện cho việc theo dõi và quản lý PVR sẽ xuất đủ hóa đơn khi khách hàng nộp tiền vào đợt tiếp theo. Khoản 20.607.086.302 đồng là khoản khách hàng nộp tiền đặt cọc nhưng chưa có giao dịch thỏa thuận bằng văn bản. Mặc dù, Công ty đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị khách hàng đến ký Hợp đồng mua bán căn hộ nhưng khách hàng không đến, cũng không phản hồi nên vẫn chưa có bất kỳ giao dịch nào bằng văn bản được ký kết giữa hai bên, dẫn đến việc Công ty không đủ cơ sở để xuất hóa đơn GTGT và kê khai nộp thuế cho khoản tiền này. PVR vẫn tiếp tục gửi thư mời khách hàng đến công ty để xác nhận thông tin khách hàng và ký kết hợp đồng mua bán. Có đủ thông tin khách hàng PVR sẽ phát hành hóa đơn và kê khai nộp thuế theo quy định về thuế hiện hành.

Lại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2016 và 31/12/2017 Công ty chưa có cơ sở để trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An, tại thời điểm tháng 12/2017 PVR đã tích cực gửi thư yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An cung cấp bộ báo cáo tài chính 2017 để đơn vị có cơ sở trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này nhưng không nhận được sự phản hồi. Vì vậy PVR không có cơ sở để trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

Hàng tồn kho: Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thể đánh giá một cách chính xác hiệu quả đầu tư của dự án CT10-11 Vân Phú do các thông số tính toán theo thị trường tại thời điểm hiện tại chưa đầy đủ và có thể còn biến động. Vì vậy, Công ty không có căn cứ để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Đối với các khoản đầu tư tài chính, công nợ phải thu và phải trả đã được chúng tôi tích cực gửi thư xác nhận cho khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư. Tuy nhiên, do thời gian lập báo cáo sớm nên nhiều khoản công nợ chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận đầy đủ. Chúng tôi sẽ sớm bổ sung và cung cấp cho kiểm toán viên, đồng thời chúng tôi cam kết việc ghi nhận các khoản công nợ phải thu, phải trả và các khoản đầu tư tài chính chưa có đối chiếu là đúng theo thực tế phát sinh tại từng thời điểm.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2017, PVR mới thu thập được báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh đến thời điểm 31/12/2016. Cũng tại thời điểm tháng 12/2017 PVR đã tích cực gửi thư yêu cầu 2 đơn vị trên cung cấp bộ báo cáo tài chính 2017 để đơn vị có cơ sở trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này nhưng không nhận được sự phản hồi. Vì vậy PVR căn cứ cơ sở để trích lập dự phòng cho 2 khoản đầu tư trên vẫn là số liệu Báo cáo tài chính của 2 đơn vị tại thời điểm 31/12/2016.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm 2017 Công ty không đạt chỉ tiêu lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt; Doanh thu của Công ty năm 2017 đạt 48,58 tỷ đồng, tăng 29,76% so với năm 2016; lợi nhuận trước thuế lỗ 5,15 tỷ đồng. Việc không hoàn thành các chỉ tiêu KH SXKD năm 2017 chủ yếu do công ty trong giai đoạn đầu tư chưa ghi nhận được doanh thu từ dự án CT10-11 Vân Phú. Trong năm PVR trích lập các khoản dự phòng đầu tư tài chính và chứng khoán kinh doanh. Mặt khác, công ty cũng đã phát hành hóa đơn cho các khách hàng nộp tiền đặt cọc Dự án CT 10-11 Vân Phú, Hà Đông, Hà Nội và kê khai hạch toán thuế giá trị gia tăng và tạm xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo luật thuế hiện hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm qua, HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao trên cơ sở kết hợp phân tích diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên, linh hoạt trong việc xử lý kịp thời các công việc phát sinh.

- Nhìn nhận một cách khách quan, trong thời gian qua HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHCĐ thường niên 2017 đặt ra. Các thành viên HĐQT và Ban giám đốc luôn cố gắng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao phó, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với hiệu quả cao nhất, đồng thời giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đặt ra.
- Kiến toàn và tái cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới của năm 2017. Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại Công ty và các đơn vị trực thuộc theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm tăng cường năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác giám sát, chỉ đạo thi công xây dựng các Dự án, đưa Dự án vào kinh doanh khai thác, nhanh chóng thu hồi vốn. Đồng thời nghiên cứu, tìm hiểu thị trường đầu tư và các dự án mới, lĩnh vực mới có hiệu quả cao, thu hồi vốn nhanh.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.
- Chú trọng công tác nâng cao giá trị thương hiệu Công ty nhằm bảo vệ lợi ích của các Cổ đông.
- Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ Công ty nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong điều hành, phù hợp với quy định pháp luật đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu đề đưa ra cách thức điều hành Công ty sao cho tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty như: giao thêm một số quyền hạn cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc thực hiện các công việc tiếp theo sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông/HĐQT phê duyệt chủ trương. Tạo điều kiện để Ban lãnh đạo Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, đầy nhanh tiến độ, nắm bắt kịp thời các cơ hội của thị trường.
- Tổ chức các cuộc họp HĐQT Công ty định kỳ và đột xuất để chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chỉ đạo Công ty xây dựng chiến lược về vốn, huy động vốn như: thị trường chứng khoán, phát hành trái phiếu, liên kết các Ngân hàng, các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn cho các Dự án đang triển khai.
- Chỉ đạo công tác tìm kiếm các đối tác chiến lược trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính và kỹ thuật để thực hiện các Dự án đầu tư dài hạn của Công ty mang lại hiệu quả cao.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Bà Khắc Thị Thanh Huyền - Chủ tịch HĐQT bầu ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/10/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Xóm 5, xã Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011876717 cấp ngày 15/03/2005 do CA Hà Nội cấp
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên HĐQT/Kế toán trưởng Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:
 - 2001 - 2008: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH TM & DVKT Hải Vân
 - 2009 - 2015: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư 135
 - Tháng 6/2015 - 4/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
 - Tháng 4/2016 - Tháng 10/2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
 - Tháng 11/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT/Kế toán trưởng Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.539.400 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Bùi Văn Phú - Ủy viên HĐQT bầu ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số 5, ngách 51 tổ 3 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMTND : 036075000646 do Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/9/2015
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 03/2016 - đến nay : Chủ tịch/Ủy viên HĐQT Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam;
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.628.700 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Đỗ Duy Diễm - Ủy viên HĐQT bầu ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 95, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 162267949 do Công an Nam Định cấp ngày 09/10/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - 2002 - 2003: Cán bộ kỹ thuật - Công ty XD số 4 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;
 - 2004 - 2005: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư Xây lắp Sông Đà;
 - 2006 - 2009: Đội trưởng Đội 2 Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Econ;
 - 2010 - 2012: Đội trưởng Đội XDCT Công ty CP Đầu tư và TM Dầu khí Sông Đà
 - 2012 - 2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
 - Tháng 12/2015 - 2016: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư MHD Vina
 - 10/2016 - nay: Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.500 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Trần Ngọc Bẩy - Ủy viên HĐQT bầu ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/07/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Số CMTND/Hộ chiếu : 036073001729 do Cục cảnh sát ĐKQL, cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/06/2016
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - 04/2005 - 2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư 135;
 - 4/2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dầu tư Kinh doanh NDP;
 - 03/2017 - nay: Hội đồng thành viên Công ty TNHH MHD Golf; Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 12.483.100 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Phạm Quỳnh Ly - Ủy viên HĐQT bầu ngày 09/10/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/03/1995
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 4, tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Số CMND/Hộ chiếu : 001195006115 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/06/2016
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Trần Huy Cường - Ủy viên HĐQT bầu ngày 29/06/2017, miễn nhiệm ngày 09/10/2017

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 11/01/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 47/188 Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Số CMND/Hộ chiếu : 036073002011 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/07/2016
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (bầu ngày 29/06/2017, miễn nhiệm ngày 09/10/2017)
- Quá trình công tác:
 - 04/2005 - 04/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư 135;
 - 04/2016 - 06/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư MHD Hà Nội;
 - 06/2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư MHD Vina;

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Ngọc Minh - Ủy viên HĐQT miễn nhiệm ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/02/1965
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 26 - C8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011911975 do CA Hà Nội cấp ngày 06/05/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 1988 - 2000: Nhân viên – Công ty vận tải đường biển Hà Nội.
 - 2000 - 2006: Phó phòng Bảo hiểm Hàng Hải, Trưởng phòng giám định Bồi thường - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
 - 2006 - 9/2007: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
 - 10/2007 - 7/2009: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI).
 - 07/2009 - 05/2010: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI).
 - 06/2010 - đến nay: Phó tổng giám đốc ICT CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc TCT cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
 - + Sở hữu đại diện cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI: 4.350.000 cổ phần.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Ông Nguyễn Khoa Điền - Ủy viên HĐQT miễn nhiệm ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/07/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số 24 ngõ 192 Hạ Đình, Thanh Xuân, HN
- Số CMND : 013432656 do CA Hà Nội cấp ngày 23/6/2012.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 2000 – 2001 : Chuyên viên Công ty Đầu tư Khai thác Hồ Tây
 - 2001 – 2003: Chuyên viên Công ty Tư vấn và Thiết kế công trình văn hóa
 - 8/2003 – 2/2009: Trưởng phòng Xây dựng Công ty TNHH VNT
 - 3/2009 – 6/2014: Trưởng phòng Dự án Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương
 - 7/2014 – đến nay : Giám đốc Công ty TNHH VNT;
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện Công ty TNHH VNT: 8.151.980 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Khúc Thị Thanh Huyền	CT, HĐQT	07/1/2016 29/6/2017	17/17	100%	
2	Ông Bùi Văn Phú	Ủy viên	17/5/2016 29/6/2017	17/17	100%	
3	Ông Đỗ Duy Điền	Ủy viên	17/5/2016 29/6/2017	17/17	100%	
4	Ông Trần Ngọc Bảy	Ủy viên	29/06/2017	10/17	59%	
5	Bà Phạm Quỳnh Ly	Ủy viên	09/10/2017	2/17	12%	
Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên	29/06/2017	7/17	42%	
2	Ông Nguyễn Khoa Điền	Ủy viên	29/06/2017	5/17	30%	
3	Ông Trần Huy Cường	Ủy viên	09/10/2017	8/17	47%	

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2017:

Stt	Số TB/ NQ/ QĐ	Ngày ban hành	Nội dung
1	25/TB-HĐQT-PVCR	20/02/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Báo cáo số 04/BC-PVCR ngày 16/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Báo cáo kết quả làm việc quyết toán các gói thầu với các nhà thầu Dự án CT10-11 Vân Phú)
2	26/TB-HĐQT-PVCR	20/02/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 05/TTr-PVCR ngày 16/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Thông qua việc tìm kiếm đơn vị tư vấn đề nghiên cứu lập phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty PVCR)
3	27/TB-HĐQT-PVCR	20/02/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 06/TTr-PVCR ngày 16/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Tìm kiếm đơn vị môi giới mua bán bất động sản để chuyển nhượng dự án CT15 Việt Hưng)
4	28/TB-HĐQT-PVCR	20/02/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 08/TTr-PVCR ngày 16/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Phê duyệt mức lương của CBCNV Công ty PVCR và tổng quỹ lương dự kiến năm 2017)
5	29/TB-HĐQT-PVCR	20/02/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 09/TTr-PVCR ngày 16/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Phê duyệt chi phí tháng 10,11,12/2016; tháng 01/2017 và kế hoạch chi tiêu tháng 02/2017)
6	30/TB-HĐQT-PVCR	20/02/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 10/TTr-PVCR ngày 16/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Thành lập Công ty cổ phần để triển khai đầu tư dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên)
7	53/TB-HĐQT-PVCR	18/04/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 46/TTr-PVCR ngày 12/04/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Thanh lý các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với đối tác; Một số nội dung về Dự án CT15 Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội)
8	54/TB-HĐQT-PVCR	18/04/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 47/TTr-PVCR ngày 12/04/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm cán bộ giữ chức Trưởng phòng TCHC&PC kiêm Thư ký HĐQT Công ty PVCR)
9	55/NQ-HĐQT-PVCR	18/04/2017	Nghị quyết về việc thông qua việc mở văn phòng giao dịch của Công ty PVCR tại Hà Nội

10	67/NQ-HĐQT-PVCR	24/04/2017	Nghị quyết về việc chấp thuận cho Bà Nguyễn Thị Hà Thu thôi giữ chức KTT kiêm Trưởng phòng TCKH Công ty PVCR để nhận nhiệm vụ Kế toán viên thuộc phòng Tài chính Kế hoạch
11	68/NQ-HĐQT-PVCR	24/04/2017	Nghị quyết về việc thông qua việc giao Bà Khúc Thị Thanh Huyền kiêm nhiệm chức vụ quyền Kế toán trưởng Công ty PVCR
12	69/TB-HĐQT-PVCR	24/04/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 60/TTr-PVCR ngày 19/04/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Phê duyệt chi phí tháng 02, 03/2017 và kế hoạch chi tiêu tháng 04/2017)
13	70/TB-HĐQT-PVCR	24/04/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 61/TTr-PVCR ngày 19/04/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Chấp thuận tổng khối lượng, đơn giá và tổng giá trị gói thầu thi công xây dựng Tòa nhà CT10-11 KĐT mới Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội)
14	71/QĐ-HĐQT-PVCR	24/04/2017	Quyết định về việc chấp thuận cho Bà Nguyễn Thị Hà Thu thôi giữ chức KTT kiêm Trưởng phòng TCKH Công ty PVCR để nhận nhiệm vụ Kế toán viên thuộc phòng Tài chính Kế hoạch
15	72/QĐ-HĐQT-PVCR	24/04/2017	Quyết định về việc giao Bà Khúc Thị Thanh Huyền - PTGD phụ trách Tài chính Kế toán, Kế hoạch Công ty kiêm nhiệm chức vụ quyền Kế toán trưởng Công ty PVCR
16	79/NQ-HĐQT-PVCR	03/05/2017	Nghị quyết về việc thông qua việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
17	89/TB-HĐQT-PVCR	08/05/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 85/TTr-PVCR ngày 05/05/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Thông qua phương án xử lý Hợp đồng đặt cọc diện tích 05 (năm) tầng khối để tại Dự án CT10-11 Văn Phú với Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương - OGC)
18	111/NQ-HĐQT-PVR	29/05/2017	Nghị quyết về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
19	112/NQ-HĐQT-PVR	29/05/2017	Nghị quyết về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông (cổ phần) phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty PVR
20	113/TB-HĐQT-PVR	29/05/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 96/TTr-PVR ngày 24/05/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Thông qua dự trù kinh phí, thời gian địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017)
21	114/TB-HĐQT-PVR	29/05/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về việc thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường

			niên năm 2017 Công ty PVR
22	115/QĐ-HĐQT-PVR	29/05/2017	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
23	116/QĐ-HĐQT-PVR	29/05/2017	Quyết định về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông (cổ phần) phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty PVR
24	140/TB-HĐQT-PVR	19/06/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về việc thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty PVR
25	149/NQ-ĐHĐCĐ-PVR	29/06/2017	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty PVR
26	151/QĐ-HĐQT-PVR	03/07/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm Ông Đỗ Duy Diễn giữ chức vụ TGD Công ty, Người đại diện trước pháp luật của Công ty và điều hành Công ty PVR nhiệm kỳ 2017 - 2022
27	158/NQ-HĐQT-PVR	06/07/2017	Nghị quyết về việc thông qua phương án lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là Công ty thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC năm 2017 của Công ty PVR
28	176/TB-HĐQT-PVR	13/07/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 166/TTr-PVR ngày 11/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự Công ty PVR nhiệm kỳ 2017 - 2022)
29	177/TB-HĐQT-PVR	13/07/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 167/TTr-PVR ngày 11/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty
30	178/TB-HĐQT-PVR	13/07/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 168/TTr-PVR ngày 11/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty
31	179/TB-HĐQT-PVR	13/07/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 169/TTr-PVR ngày 11/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty
32	180/TB-HĐQT-PVR	13/07/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 170/TTr-PVR ngày 11/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty
33	181/NQ-HĐQT-PVR	13/07/2017	Nghị quyết về việc miễn nhiệm Bà Khắc Thị Thanh Huyền thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán, Kế hoạch Công ty PVR
34	182/NQ-HĐQT-PVR	13/07/2017	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Bà Khắc Thị Thanh Huyền giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty PVR nhiệm kỳ 2017 - 2022
35	183/QĐ-HĐQT-PVR	13/07/2017	Quyết định về việc miễn nhiệm Bà Khắc Thị Thanh Huyền thôi giữ chức Phó TGD Công ty PVR

36	184/QĐ-HĐQT-PVR	13/07/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm Bà Khúc Thị Thanh Huyền giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty PVR nhiệm kỳ 2017 - 2022
37	185/QĐ-PVR	13/07/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Trưởng phòng TCHC&PC kiêm Thư ký HĐQT Công ty
38	210/NQ-HĐQT-PVR	04/08/2017	Nghị quyết về việc phê duyệt việc mở thẻ mua xăng/dầu và thẻ tín dụng tiếp khách của Công ty PVR
39	211/QĐ-HĐQT-PVR	04/08/2017	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 Công ty PVR
40	212/QĐ-HĐQT-PVR	04/08/2017	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc nhiệm kỳ 2017 - 2022 Công ty PVR
41	213/QĐ-HĐQT-PVR	04/08/2017	Quyết định về việc ban hành Quy định về công tác văn thư của Công ty PVR
42	214/QĐ-HĐQT-PVR	04/08/2017	Quyết định về việc ban hành Quy định về chi tiêu tài chính của Công ty PVR
43	215/NQ-HĐQT-PVR	04/08/2017	Nghị quyết về việc phê duyệt việc thanh lý 02 xe ô tô Toyota Camry 2.4 đời 2007 và mua 01 xe ô tô mới phục vụ nhu cầu công việc, đi lại của Ban lãnh đạo Công ty
44	218a/QĐ-PVR	07/08/2017	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài
45	218b/TB-HĐQT-PVR	07/8/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 206A/TTr-PVR ngày 03/08/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Phê duyệt chi phí tháng 07/2017 và kế hoạch chi tiêu tháng 08/2017)
46	231a/TB-HĐQT-PVR	18/08/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 227/TTr-PVR ngày 15/08/2017 của Tổng Giám đốc Công ty (Thông qua nội dung dự thảo Hợp đồng đo đạc thành lập bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 và nội dung dự thảo Hợp đồng tư vấn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên)
47	264/TB-HĐQT-PVR	02/10/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 256/TTr-PVR ngày 25/09/2017 của Tổng Giám đốc Công ty
48	265/TB-HĐQT-PVR	02/10/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 259/TTr-PVR ngày 25/09/2017 của Tổng Giám đốc Công ty
49	266/QĐ-PVR	02/10/2017	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài
50	272/NQ-HĐQT-PVR	09/10/2017	Nghị quyết về việc thông qua việc miễn nhiệm Ông Trần Huy Cường thôi giữ chức Ủy viên HĐQT; Thông qua việc bầu bổ sung Bà Phạm Quỳnh Ly

51	288/NQ-HĐQT-PVR	01/11/2017	giữ chức Ủy viên HĐQT Công ty PVR nhiệm kỳ 2017 - 2022 thay Ông Trần Huy Cường Nghị quyết về việc thông qua việc thay đổi Người đứng đầu Chi nhánh - Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam tại Bu Vi, Hà Nội
52	308/TB-HĐQT-PVR	25/11/2017	Thông báo về ý kiến của các thành viên HĐQT về Tờ trình số 300/TTr-PVR ngày 18/11/2017 của Tổng Giám đốc Công ty

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

1.5. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

1.7. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Bà Trương Thị Hà - Thành viên Ban Kiểm soát bầu ngày 29/06/2017, được bầu giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát ngày 30/08/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 23/01/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : Thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Số CMTND : 141969427 do CA Hải Dương cấp ngày 30/07/2013
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - T3/2002 - 2004 : Kế toán tổng hợp Công ty CP Xây dựng Đông Triều
 - T1/2005 - T5/2008: Phụ trách phòng Kế toán Công ty CP Xây dựng hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc

- T6/2008 – T9/2010: Trưởng nhóm kế toán TH giá thành Công ty cổ phần Xây dựng công trình 568
- T10/2010 – T5/2016: Kế toán trưởng Công ty Đầu tư và Xây dựng Minh Thành
- T6/2016 – T6/2017: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng DECOSUIT
- T6/2017 – nay: Thành viên/Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Ngô Thị Minh Nguyệt - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/09/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : 30/91 tổ 14, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
- Số CMTND : 017258982 do CA Hà Nội cấp ngày 27/9/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên BKS Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 2001 – 6/2004 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Cường & Thịnh

- 2004 – 8/2008 : Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Tư vấn thiết kế Liên Minh
- 9/2008 – 11/2015: Kế toán trưởng Công ty CP TVXD và TM Điện I
- T12/2015 : Kế toán Công ty CP Đầu tư MIID Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Khúc Thị Thanh Trâm - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 13/02/1992
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Xóm 7, Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMTND : 012850802 do CA Hà Nội cấp ngày 27/02/2006
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - T2/2014 – T6/2017 : Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh NDP
 - T6/2017 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Vũ Thị Hương - Thành viên Ban Kiểm soát miễn nhiệm ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 07/12/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : P107 C1 Tân Mai, P. Tân Mai, Hoàng Mai, HN
- Số CMTND : 013298845 do CA Hà Nội cấp ngày 7/5/2010.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (đã miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 2005 – 2012 : Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Dầu tư 135
 - 2013 – 2014 : Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
 - 8/2014 – 10/2015: Tổng giám đốc Công ty CP Dầu tư MHD
 - 11/2015 – 2/2017: Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Kinh doanh NDP
 - 3/2017 : Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng HD Thanh Xuân
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - + Sở hữu đại diện Công ty: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Vũ Xuân Dương - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 24/06/2016, miễn nhiệm ngày 29/06/2017

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/02/1983
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ninh Giang, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 516, CT6, Đơn nguyên 2, Định Công, Hoàng Mai, HN
- Số CMND : 013348235 do CA Hà Nội cấp ngày 15/9/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên BKS Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (đã miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
- Quá trình công tác:
 - 2004 - 2014: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
 - 2014 - 2015: Tư vấn viên tự do
 - 2015 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Đại Dương
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: không
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện nhà nước : 0 cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng quy định bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã trao đổi thường xuyên tình hình công việc.

Những nội dung cơ bản hoạt động kiểm soát năm 2017:

Thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, trong quá trình lãnh đạo, giám sát Giám đốc về sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn;
- Kiểm soát việc HĐQT lãnh đạo, giám sát Giám đốc công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chức năng giám sát đối với Giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động điều hành, thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Kiểm soát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quy chế, quy trình quản lý của công ty...
- Kiểm soát việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong hoạt động điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tính chất công việc	Thù lao
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			660.000.000
1	Khúc Thị Thanh Huyền	CT HĐQT	Chuyên trách	270.000.000
2	Bùi Văn Phú	CT HĐQT	Chuyên trách	300.000.000
3	Bùi Văn Phú	TV HĐQT KN	Kiểm nhiệm	18.000.000
4	Nguyễn Ngọc Minh	TV HĐQT KN	Kiểm nhiệm	18.000.000
5	Nguyễn Khoa Điền	TV HĐQT KN	Kiểm nhiệm	18.000.000
6	Trần Ngọc Bảy	TV HĐQT KN	Kiểm nhiệm	18.000.000
7	Trần Huy Cường	TV HĐQT KN	Kiểm nhiệm	9.000.000

8	Đỗ Duy Diễm	TV HĐQT KN	Kiểm nhiệm	
9	Phạm Quỳnh Ly	TV HĐQT KN	Kiểm nhiệm	9.000.000
BAN KIỂM SOÁT				228.875.000
1	Trương Thị Hà	Trưởng ban BKS	Chuyên trách	59.000.000
2	Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban BKS	Chuyên trách	77.875.000
4	Khúc Thị Thanh Trâm	TV BKS	Chuyên trách	50.000.000
3	Vũ Thị Hương	Trưởng ban BKS	Chuyên trách	30.000.000
5	Ngô Thị Minh Nguyệt	TV BKS	Kiểm nhiệm	12.000.000
BAN GIÁM ĐỐC				309.900.050
1	Đỗ Duy Diễm	Tổng giám đốc	Chuyên trách	253.475.050
2	Khúc Thị Thanh Huyền	P.TGD	Chuyên trách	56.425.000
Tổng cộng				1.198.775.050

3.2 Giao dịch có phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Đỗ Duy Diễm	Cổ đông nội bộ	0	0	2.500	0,00	Thực hiện đầu tư
3	Trần Trương Giang	Cổ đông lớn/nội bộ	0	0	2.714.820	5,34	Thực hiện đầu tư

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước và pháp luật đó là: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy chế quản trị công ty và Điều lệ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MS	TÀI SẢN	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		729.712.440.896	744.884.741.454
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	3.613.262.187	1.487.226.906
111	1. Tiền		2.573.262.187	447.226.906
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.040.000.000	1.040.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	2.676.800.000	5.427.075.622
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5.427.075.622	5.427.075.622
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.750.275.622)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.324.006.625	24.036.175.225
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	92.300.000	806.468.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	22.634.269.238	22.632.269.238
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	14.075.677.387	14.075.677.387
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.478.240.000)	(13.478.240.000)
140	IV. Hàng tồn kho	09	691.235.216.791	693.393.686.667
141	1. Hàng tồn kho		691.235.216.791	693.393.686.667
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.863.155.293	20.540.577.034
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		8.863.155.293	20.315.419.500
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	225.157.534
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		250.786.357.583	251.684.244.014
220	II. Tài sản cố định		196.243.838	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	93.743.838	-
222	- Nguyên giá		2.316.256.677	2.217.347.586
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.222.512.839)	(2.217.347.586)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	102.500.000	-
228	- Nguyên giá		423.000.000	303.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(320.500.000)	(303.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	15.313.560.661	14.731.742.479
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	15.313.560.661	14.731.742.479
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	227.852.486.623	229.403.888.820
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.350.000.000	21.350.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		227.182.444.751	227.182.444.751
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(20.679.958.128)	(19.128.555.931)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.424.066.461	7.548.612.715
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.424.066.461	7.548.612.715
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		980.498.798.479	996.568.985.468

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MS	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		499.371.763.007	508.729.988.785
310	I. Nợ ngắn hạn		499.371.763.007	508.729.988.785
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	48.081.155.516	43.281.155.516
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	239.465.529.547	83.667.601.153
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.356.216.716	58.871.810
314	4. Phải trả người lao động		865.090.782	642.525.170
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	634.673.643	606.252.079
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	207.485.133.346	377.464.305.445
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	-	1.429.046.560
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.483.963.459	1.580.231.052
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		481.127.035.472	487.838.996.683
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	481.127.035.472	487.838.996.683
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		531.009.130.000	531.009.130.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		531.009.130.000	531.009.130.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.788.944.000	11.788.944.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(10.507.397.490)	(10.507.397.490)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10.687.396.552	10.687.396.552
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.378.477.974	4.378.477.974
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(66.229.515.564)	(59.517.554.353)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(59.517.554.353)	(47.622.911.431)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(6.711.961.211)	(11.894.642.922)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		980.498.798.479	996.568.985.468

11/10/2017 10:00:00

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.050.380.298	37.059.483.722
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	48.050.380.298	37.059.483.722
11	4. Giá vốn hàng bán	22	45.518.370.292	34.805.419.537
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.532.010.006	2.254.064.185
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	376.178.000	372.410.433
22	7. Chi phí tài chính	24	4.339.190.291	11.240.964
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		37.512.472	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.878.979.642	14.191.572.678
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.309.981.927)	(11.576.339.024)
31	11. Thu nhập khác		156.000.000	7.160.000
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		156.000.000	7.160.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.153.981.927)	(11.569.179.024)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1.557.979.284	325.463.898
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.711.961.211)	(11.894.642.922)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(129)	(229)

Hàng năm và cuối năm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

MS	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(5.153.981.927)	(11.569.179.024)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.985.677.544	9.134.499.567
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22.665.253	-
03	- Các khoản dự phòng		4.301.677.819	9.506.916.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(376.178.000)	(372.410.433)
06	- Chi phí lãi vay		37.512.472	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.168.304.383)	(2.434.679.457)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.389.590.341	1.114.030.635
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.158.469.876	29.996.238.850
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.428.403.381)	(34.699.145.924)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		124.546.254	(163.322.976)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	4.329.284.689
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(96.267.593)	(442.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.979.631.114	(2.299.594.183)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(800.727.273)	75.928.636
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		376.178.000	372.410.433
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(424.549.273)	448.339.069
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(1.429.046.560)	(8.570.953.440)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.667.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.429.046.560)	(8.572.620.890)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.126.035.381	(10.423.876.004)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.487.226.906	11.911.102.910
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	3.613.262.187	1.487.226.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, Tòa Nhà CT10 - 11 Khu Đô Thị Mới Vân Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 531.009.130.800 đồng, tương đương 53.100.913 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh các công trình tòa nhà chung cư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị đối với các hoạt động xây lắp, bất động sản phụ thuộc vào thời gian thực hiện từng dự án (có thể kéo dài trên 12 tháng). Đối với các hoạt động kinh doanh khác thì chu kỳ kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty chưa đem lại hiệu quả, hơn nữa đã các nguồn vốn để thực hiện các Dự án gặp khó khăn dẫn đến một số Dự án của Công ty bị chậm tiến độ so với kế hoạch xây dựng ban đầu làm cho Công ty lỗ liên tục trong nhiều năm, đồng tiền âm và nhiều khoản công nợ quá hạn.... Trước tình hình khó khăn như trên, Ban Quản lý tài cơ cấu lại bộ máy, tập trung bố trí các nguồn lực để đẩy nhanh xây dựng Dự án CT10 - 11 Vân Phú - Hà Đông Công ty đi và đang nghiên cứu các phương án nhằm thực hiện chuyển hướng lại dự án Tàu Viên trong thời gian tới.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu:

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản trong tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chúng ta kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên số kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi chênh lệch hoặc nhượng búa, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên số kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư; nếu khoản đầu tư vào có phiên niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định của công ty thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của số phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tắc phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế toán vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tính trung phủ số hoặc đang làm thủ tục giải thủ, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tại đơn vị là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp các chi phí phát sinh theo ứng công trình chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

KẾ TOÁN HỌC TẬP

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Đối với chi phí trả trước liên quan đến Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông, được tập hợp và được kết chuyển vào kết quả sản xuất kinh doanh khi dự án hoàn thành và bàn giao cho khách hàng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước đối ứng vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng giảm chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế hoạch vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán năm được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lấy kế toán quản gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi vay, chi phí kiểm toán, chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phải ảnh hưởng đến kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia số của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng bán bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bán giao phần xây dựng cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất tiền tệ vào các vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN liên hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính liên hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

* Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chịu sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

* Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

* Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm quyền tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.016.197.032	125.954.836
Tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn (i)	557.065.155	321.272.070
Các khoản tương đương tiền (ii)	1.040.000.000	1.010.000.000
	3.613.262.187	1.457.226.906

(i),(ii) Tại ngày 31/12/2017, Khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc thời hạn 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số dư lần lượt là: 218.635.954 đồng và 1.040.000.000 đồng đang bị phong tỏa do có cơ đồng, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014 là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà Nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 là không trọng yếu. Theo đó, Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31/12/2017.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Giá gốc VND	31/12/2017 Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2017 Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	5.427.075.622	2.676.800.000	(2.750.275.622)	5.427.075.622	5.812.480.000	-
	5.427.075.622	2.676.800.000	(2.750.275.622)	5.427.075.622	5.812.480.000	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2017 Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	21.350.000.000	(4.035.573.532)	21.350.000.000	(2.186.652.181)
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (j)	21.350.000.000	(4.035.573.532)	21.350.000.000	(2.186.652.181)
Các khoản đầu tư khác	227.182.444.751	(16.644.384.596)	227.182.444.751	(16.941.903.750)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí (DICO)	12.000.000.000	(9.360.000.000)	12.000.000.000	(9.600.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	5.100.000.000	(3.774.000.000)	5.100.000.000	(4.233.000.000)
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (j)	5.000.000.000	(3.510.384.596)	5.000.000.000	(3.108.903.750)
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	205.082.444.751	0	205.082.444.751	0
	248.532.444.751	(20.679.958.128)	248.532.444.751	(19.128.555.931)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về

(i) Các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh tại thời điểm 31/12/2017

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và t	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	0	0	Đầu tư kinh doanh và khai thác bất động sản

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An

Nơi thành lập và địa	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Hồ Chí Minh	0	0	Xây dựng công trình
Hà Nội	0	0	Đầu tư kinh doanh bất
Thanh Hóa	0	0	Kinh doanh khách sạn
Hà Nội	0	0	Đầu tư xây dựng

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thiết kế Heerim - PVC	92.300.000	92.300.000
- Công ty TNHH Sơn	-	464.670.600
- Ông Nguyễn Xuân Triều	-	249.498.000
	92.300.000	806.468.600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Trung tâm Giao dịch Đất đai và Phát triển	1.278.263.456	-	1.278.263.456	-
- Ban điều hành các Dự án của PVC tại Hà	9.475.374.339	-	9.175.374.339	-
- Công ty Cổ phần Dầu khí và Xây dựng Sơn	6.114.446.393	-	6.114.446.393	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	4.766.185.050	-	4.764.185.050	-
	22.634.269.238	-	22.632.269.238	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư NNP	652.565.191	-	652.565.191	-
Phải thu Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vinh Hưng về việc hoàn tiền đã nộp do - hủy hợp đồng mua nhà	3.485.940.000	3.485.940.000	3.485.940.000	3.485.940.000
Phải thu ông Phạm Quốc Anh về tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ - phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.900.000.000	9.900.000.000	9.900.000.000	9.900.000.000
- Phải thu khác	37.172.196	-	37.172.196	-
	14.075.677.387	13.385.940.000	14.075.677.387	13.385.940.000

8. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay - quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	-	-
+ Công khoản Công ty Cổ phần thiết kế Heerim - PVC	92.300.000	-	92.300.000	-
+ Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vinh Hưng	3.485.940.000	-	3.485.940.000	-
+ Phải thu ông Phạm Quốc Anh	9.900.000.000	-	9.900.000.000	-
	13.478.240.000	-	13.478.240.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	691.235.216.791	-	693.393.686.667	-
Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông	691.235.216.791	-	652.238.952.739	-
Dự án tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư - CT15 Việt Hưng - là chung cư	-	-	41.154.733.928	-
	691.235.216.791	-	693.393.686.667	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tân Viên (i)	15.313.560.661	14.731.742.479
	15.313.560.661	14.731.742.479

(i) Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên, Ba Vì, Hà Nội đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Chi phí phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn lập quy hoạch xây dựng, cung cấp bản đồ địa hình, chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công, ... Ngày 12 tháng 03 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị Quyết giao cho Ban Giám đốc Công ty tìm kiếm đối tác để thực hiện các thủ tục pháp lý để thu hút vốn hoặc ký hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 các công việc này vẫn đang được Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục triển khai.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhì côm, vật kiến trúc VND	Máy nước, thiết bị VND	Phương tiện vận lưu, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	-	1.554.894.000	662.453.586	2.217.347.586
- Mua trong năm	-	-	-	98.909.091	98.909.091
Số dư cuối năm	-	-	1.554.894.000	761.362.677	2.316.256.677
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	1.554.894.000	662.453.586	2.217.347.586
- Khấu hao trong năm	-	-	-	5.165.253	5.165.253
Số dư cuối năm	-	-	1.554.894.000	667.618.839	2.222.512.839
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	93.743.838	93.743.838

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

2.217.347.586 VND

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2017 là giá trị phần mềm số nguyên giá là 423.000.000 đồng, giá trị khấu hao lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 là 320.500.000 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	87.221.515	211.767.769
- Chi phí tìm kiếm khách hàng mua nhà cho dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông	7.336.844.946	7.336.844.946
	7.424.066.461	7.548.612.715

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		31/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình	1.429.046.560	1.429.046.560	-	1.429.046.560	-	-
	1.429.046.560	1.429.046.560	-	1.429.046.560	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 10/HĐ/2015/PVCR-HĐ ngày 15/04/2015 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình kèm phụ lục Hợp đồng vay tiền số 01-10/HĐ/2015/PVCR-10 ngày 08/06/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Thanh toán cho các nhà thầu đã thi công các hạng mục của Dự án tòa nhà chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10 - 11 Văn Phú, Hà Đông;
- + Thời gian vay: Từ ngày 20/04/2015 đến ngày 31/12/2016, đến thời điểm 31/12/2017 Hợp đồng này đã tắt toán.
- + Lãi suất cho vay: Từ ngày 20/04/2015 đến 31/07/2016 tính 5%/ năm. Từ ngày 01/08/2016 áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ứng thời điểm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 0 đồng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Tập máy Dầu khí	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang	428.806.000	428.806.000	428.806.000	428.806.000
- Công ty CP Đầu tư Kinh doanh NDP	4.800.000.000	-	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	321.449.867	321.449.867	321.449.867	321.449.867
	48.081.155.516	48.281.155.516	43.281.155.516	43.281.155.516
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Tập máy Dầu khí	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang	428.806.000	428.806.000	428.806.000	428.806.000
- Phải trả các đối tượng khác	321.449.867	321.449.867	321.449.867	321.449.867
	43.281.155.516	43.281.155.516	43.281.155.516	43.281.155.516

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Khách hàng mua căn hộ tại Dự án Văn Phú	238.261.036.217	82.461.097.853
- Khách hàng mua Dự án Hạ Long	1.204.503.300	1.204.503.300
	239.465.529.547	83.667.601.153

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	225.157.534	-	1.557.979.284	-	-	1.332.821.750
- Thuế thu nhập cá nhân	-	58.871.810	98.500.375	133.977.219	-	23.394.966
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	225.157.534	58.871.810	1.661.479.659	138.977.219	-	1.356.216.716

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích th

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	43.764.551	6.252.079
- Chi phí khác	590.909.090	600.000.000
	634.673.641	606.252.079

19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Khoản phí công đoàn	13.525.856	13.525.856
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú	22.003.492.328	152.014.131.472
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Việt Hưng	-	144.620.000
- Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho nội số cổ đông	18.488.893.400	18.488.893.400
- Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI)	18.000.000.000	18.000.000.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An về việc kế thừa nghĩa vụ khi chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	105.872.468.579	105.872.468.579
- Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương về tiền nhận đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng 5 tầng khối đế của Dự án CT10-11 Văn Phú 11A, Đông theo Hợp đồng đặt cọc số 15/2013/HĐĐC/OGC-PVR ngày 28/03/2013.	-	40.017.888.881
- Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long góp vốn Dự án CT10-11 Văn Phú Hà Đông theo Hợp đồng 22/2011/HTĐT/PVR VL ngày 04/07/2011.	13.509.761.500	13.509.761.500
- 11 Văn Phú Hà Đông theo Hợp đồng 17/VP/HTĐT/PVR PVCSJ ngày 01/04/2011.	27.300.000.000	27.300.000.000
- Phải trả khác	2.296.991.683	2.103.015.757
	207.485.133.346	377.464.305.445

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(47.622.911.431)	499.733.639.605
Lỗ trong năm trước	-	-	0	-	-	(11.894.642.922)	(11.894.642.922)
Số dư cuối năm trước	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(59.517.554.353)	487.838.996.683
Số dư đầu năm nay	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(59.517.554.353)	487.838.996.683
Lỗ trong năm nay	-	-	0	-	-	(6.711.961.211)	(6.711.961.211)
Số dư cuối năm nay	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(66.229.515.564)	481.127.035.472

h) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	50.427.000.000	9,50%	50.427.000.000	9,50%
- Công ty TNHH VNT	81.519.800.000	15,35%	81.519.800.000	15,35%
- Công ty Cổ phần quản lý quỹ PVI	43.500.000.000	8,19%	43.500.000.000	8,19%
- Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn	30.000.000.000	5,65%	43.500.000.000	8,19%
- Ông Trần Ngọc Hải	124.831.000.000	23,51%	124.831.000.000	23,51%
- Ông Trần Trường Giang	27.148.200.000	5,11%	-	0,00%
- Công ty TNHH HMD Golf	27.059.000.000	5,10%	-	0,00%
- Cổ đông khác	134.582.130.000	25,34%	175.289.330.000	33,01%
- Cổ phiếu quỹ	11.942.000.000	2,25%	11.942.000.000	2,25%
	531.009.130.000	100,00%	531.009.130.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	531.009.130.000	531.009.130.000
- Vốn góp cuối năm	531.009.130.000	531.009.130.000

đ) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	53.108.913	53.108.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.108.913	53.108.913
- Cổ phiếu phổ thông	53.108.913	53.108.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.194.200	1.194.200
- Cổ phiếu phổ thông	1.194.200	1.194.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.906.713	51.906.713
- Cổ phiếu phổ thông	51.906.713	51.906.713
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

h) Các quỹ của Công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.687.396.552	10.687.396.552
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.378.477.974	4.378.477.974
	15.065.874.526	15.065.874.526

21. DOANH THU THUẬN VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	48.050.380.298	37.059.483.722
	48.050.380.298	37.059.483.722

22. GIÁ VỐN KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn kinh doanh bất động	45.518.370.292	34.805.419.537
	45.518.370.292	34.805.419.537

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	376.178.000	117.160.413
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	255.250.809
	376.178.000	372.410.433

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	37.512.472	-
Lãi do thành lý các khoản đầu tư tài chính	-	404.330.964
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.301.677.819	924.080.000
Hoán nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh khi bán	-	(1.317.090.000)
	4.339.190.291	11.240.964

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.184.270	-
Chi phí nhân công	2.332.032.388	2.555.919.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.665.253	-
Chi phí dự phòng	-	9.980.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.804.353	432.982.975
Chi phí khác bằng tiền	1.128.293.378	1.392.670.263
	3.878.979.642	14.191.572.678

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(5.153.981.927)	(11.569.179.024)
Các khoản điều chỉnh tăng	892.875.000	-
- Thù lao HKQT	892.875.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(4.261.106.927)	(11.569.179.024)
Thuế suất thuế TNDN	0	0
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HKKD bất động sản	1.557.979.284	325.463.898
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HKKD bất động sản	(225.157.534)	(530.621.432)
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HKKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HKKD bất động sản	1.332.821.750	(225.157.534)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.332.821.750	(225.157.534)

27. LỢI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU:

Việc tính toán lợi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(6.711.961.211)	(11.894.642.922)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(6.711.961.211)	(11.894.642.922)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	51.906.713	51.906.713
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	(129)	(229)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.184.270	-
Chi phí nhân công	2.332.032.388	2.555.919.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.665.253	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.672.780.369	35.458.382.817
Chi phí trích lập dự phòng	-	9.900.000.000
Chi phí khác hàng tiền	1.172.217.778	1.082.689.958
	47.238.880.058	48.996.992.215

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.613.262.187	-	1.487.226.906	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.167.977.387	(13.478.240.000)	14.882.145.987	(13.478.240.000)
Đầu tư ngắn hạn	5.427.075.622	(2.750.275.622)	5.427.075.622	0
Đầu tư dài hạn	17.100.000.000	(13.134.000.000)	17.100.000.000	(13.833.000.000)
	40.308.315.196	(29.362.515.622)	38.896.448.515	(27.311.240.000)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			-	1.429.046.560
Phải trả người bán, phải trả khác			255.566.288.862	420.745.460.961
Chi phí phải trả			634.673.641	606.252.079
			256.200.962.503	422.780.759.600

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định liên hành vẫn yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thống kê đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các tương đương tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí tài trợ phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	2.676.800.000	-	-	2.676.800.000
Đầu tư dài hạn	-	3.966.000.000	-	3.966.000.000
	2.676.800.000	3.966.000.000	-	6.642.800.000
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	5.427.075.622	-	-	5.427.075.622
Đầu tư dài hạn	-	3.267.000.000	-	3.267.000.000
	5.427.075.622	3.267.000.000	-	8.694.075.622

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính của Công ty. Công ty có thể rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.613.262.187	-	-	3.613.262.187
Phải thu khách hàng, phải thu khác	689.737.387	-	-	689.737.387
	4.302.999.574	-	-	4.302.999.574
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.487.226.906	-	-	1.487.226.906
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.403.905.987	-	-	1.403.905.987
	2.891.132.893	-	-	2.891.132.893

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc cạn tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ở các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở đáng tin cậy của các khoản gốc) như sau:

15/02/2018
HÃNG

	Từ 1 năm trở xuống		Trên 1 năm đến 5 năm		Trên 5 năm		Tổng	
	VND	0	VND	0	VND	0	VND	0
Tại ngày 31/12/2017								
Vay và nợ		0		0		0		0
Phải trả người bán, phải trả khác	255.566.288.862		-		-		255.566.288.862	
Chi phí phải trả	634.673.641		-		-		634.673.641	
	256.200.962.503		-		-		256.200.962.503	
Tại ngày 01/01/2017								
Vay và nợ	1.429.046.560		-		-		1.429.046.560	
Phải trả người bán, phải trả khác	420.745.460.961		-		-		420.745.460.961	
Chi phí phải trả	606.252.079		-		-		606.252.079	
	422.780.759.600		-		-		422.780.759.600	

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ

a) Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng (i)	1.258.635.954	1.211.689.941

(i), Tại ngày 31/12/2017: Khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số dư lần lượt là: 218.635.954 đồng và 1.040.000.000 đồng đang bị phong tỏa do cơ sở đăng, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014 là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/bướng dẫn cụ thể của Ngân Hàng Nhà Nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 là không trọng yếu. Theo đó, Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31/12/2017.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.429.046.560	8.570.953.440
-----------------------------------------------	---------------	---------------

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là xây dựng, kinh doanh bất động sản và diễu và trục lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập còn Ban giám đốc và HĐQT		
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.040.102.512	1.028.746.068

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cáo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Duy Hiền

